

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2020

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan.

Bà Lê Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 357/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 10/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Do quen biết chị với anh Phạm Văn M tiến đến quan hệ hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh M hay ghen tuông vô cớ nên thường xuyên kiểm chuyện chửi mắng xúc phạm chị làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và hai vợ chồng đã sống ly thân mặc dù vẫn còn sống chung nhà. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị ly hôn với anh M.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Trung K, sinh ngày 08/02/2014. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, chưa yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản - nợ chung: Không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn M trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của vợ về quan hệ nhân, con chung, tài sản, nợ chung. Vợ chồng phát sinh đã mâu thuẫn từ năm 2016 và đã ly thân nhau dù vẫn sống chung nhà. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị T anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi con, chưa yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản - nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện ly hôn bị đơn anh Phạm Văn M, anh M có địa chỉ cư trú tại ấp 2, xã P, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Phạm Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/9/2013 tại Quyết số 01/2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu được ly hôn, anh Phạm Văn M cũng đồng ý ly hôn vì giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016 và đã tự sống ly thân từ thời gian đó đến nay, mặc dù sống chung nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Phạm Văn M.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Phạm Văn M có một con chung tên Phạm Trung K, sinh ngày 08/02/2014 đang sống với anh chị từ khi cả hai ly thân. Khi ly hôn, cả chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Phạm Văn M đều yêu cầu được quyền nuôi con chung, chưa yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, anh M trình bày khi ly hôn anh sẽ về phần đất của cha mẹ ruột ở Phú An sinh sống, nhà ở đang trong quá trình xây dựng, anh đi làm cho vừa mít vào ban đêm có thu nhập ổn định. Còn chị T trình bày rằng chị may gia công tại nhà và có thu nhập ổn định, đảm bảo để nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại anh M chưa có nhà ở ổn định, công việc của anh phải đi làm vào ban đêm trong khi cháu Phạm Trung K còn quá nhỏ không thể tự xử lý các tình huống khi cha vắng nhà nếu giao con cho anh M nuôi. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung nên

giao cháu Phạm Trung K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng: Anh Phạm Văn M chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Cẩm T chưa có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày không có còn anh Phạm Văn M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Phạm Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Trung K, sinh ngày 08/02/2014 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T nuôi dưỡng.

Anh Phạm Văn M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005654 ngày 17/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Phú An, huyện Cai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 17 tháng 8 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan.

Bà Lê Thị Vân

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 357/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 về: “ Tranh chấp ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T. Cho chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Phạm Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Trung K, sinh ngày 08/02/2014 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Phạm Văn M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005654 ngày 17/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 17 tháng 8 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, TG
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni